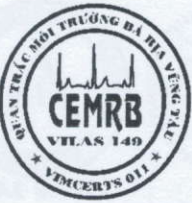


	<p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRÁC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES</p> <p>28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p>	
<p>B23.384/TTQT B23.266</p>	<p align="center">KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</p>	<p>Ngày (Date): 14/08/2023 Trang (Page): 01/02</p>

1. Tên mẫu
Sample Name : Nước thải nhiễm dầu sau xử lý của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn. Vị trí có tọa độ X: 1155449; Y: 441117.
Waste water contaminated with oil after treatment of Nam Con Son Pipeline Company. Coordinate X: 1155449 & Y: 441117.
2. Ngày nhận mẫu
Date of receive sample : 02/08/2023.
3. Khách hàng
Customer : Công ty đường ống khí Nam Côn Sơn.
Nam Con Son Pipeline Company.
4. Kết quả thử nghiệm
Test result :

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Chất rắn lơ lửng (TSS)* Suspended solids	TCVN 6625:2000	4,0
2. BOD ₅ (20°C)* Biochemical Oxygen Demand	TCVN 6001-1:2021	KPH (<3,0)
3. COD* Chemical Oxygen Demand	SMEWW 5220.D:2017	KPH (<30)
4. Tổng Sắt (T- Fe)* Total Iron	TCVN 6177:1996	0,83
5. Chì (Pb)* Lead	ASTM-D3559:15	KPH (<0,0100)
6. Kẽm (Zn)* Zinc	US EPA Method 3015A& SMEWW 3120B : 2023	KPH (<0,050)
7. Thủy ngân (Hg)* Mercury	TCVN 7877:2008	KPH (<0,0010)
8. Asen (As)* Arsenic	ASTM-D2972:C-15	KPH (<0,0100)
9. Crôm III (Cr ³⁺) Chromium III	TCVN 6658:2000	KPH (<0,050)
10. Crôm VI (Cr ⁶⁺) Chromium VI	SMEWW 3120B:2023 TCVN 6658:2000	KPH (<0,010)

	<p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng-Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p>	 
<p>B23.384/TTQT B23.266</p>	<p>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</p>	<p>Ngày (Date): 14/08/2023 Trang (Page): 02/02</p>

11. Tổng Nitơ (T-N)* <i>Nitrogen total</i>	mg/l	TCVN 6638:2000	KPH (<10,0)
12. Sunfua (S ²⁻) <i>Sulfur</i>	mg/l	SMEWW 4500S ²⁻ D:2023	KPH (<0,12)
13. Phenol	mg/l	TCVN 6216:1996	KPH (<0,10)
14. Độ màu <i>Colour</i>	mg/l Pt	TCVN 6185:2015	17
15. Florua (F ⁻) <i>Fluoride</i>	mg/l	SMEWW 4500-F-B&D:2023	KPH (<0,20)
16. Clo dư <i>Chlorine, free</i>	mg/l	TCVN 6225-3:2011	KPH (<0,90)
17. Dầu mỡ khoáng* <i>Mineral oil</i>	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (<0,3)
18. Nitơ-amoni (N-NH ₄ ⁺)* <i>Nitrogen - aminonium</i>	mg/l	TCVN 5988:1995	KPH (<1,00)
19. Tổng phốt pho (T-P)* <i>Phosphorus</i>	mg/l	TCVN 6202:2008	0,023
20. pH		TCVN 6492 : 2011	7,3
21. Đồng (Cu)* <i>Copper</i>	mg/l	US EPA Method 3015A& SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,050)
22. Cadimi (Cd)* <i>Cadmium</i>	mg/l	ASTM-D3557:D-17	KPH (<0,0023)
23. T-Coliform <i>Coliform organisms</i>	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	43
24. Mangan (Mn)* <i>Manganese</i>	mg/l	US EPA Method 3015A& SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,050)
25. Niken (Ni)* <i>Nickel</i>	mg/l	US EPA Method 3015A& SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,050)
26. Xyanua (CN ⁻) <i>Cyanide</i>	mg/l	TCVN 6181 : 1996	KPH (<0,008)

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	  VILAS 149
B23.384/TTQT B23.266	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 14/08/2023 Trang (Page): 03/02

27. Nhiệt độ Temperature	°C	SMEWW 2550B : 2023	30,3
-----------------------------	----	--------------------	------

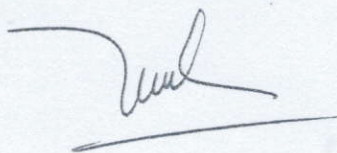
Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 10h25/ *Sample is taken by The Center for environmental monitoring and resources at 10h25.*

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149/ (*): *Analysis norm is recognized by BOA. Number VILAS 149.*

Mẫu được lấy theo hợp đồng C-1102/TTQTTNMT – DVTV ngày 19/02/2021/ *Sample is collected according to contract C-1102 / TTQTTNMT – DVTV dated 19/02/2021.*

KPH: Không phát hiện/ *Not detected.*

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH
VICE OF HEAD ANALYSIS DIVISION



Võ Thị Kim Chi

K.T. GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn